

MỘT SỐ CÂY Ở ĐÔNG NAM BỘ

914-4

CAO SU THIÊN NHIÊN TRÊN THẾ GIỚI - HỒN NAM

VÀ MAI SAU

1- Từ một thế kỷ nay, cao su thiên nhiên ( NR ) đã trở thành một nguyên liệu không thể thiếu được của thế giới công nghiệp đang phát triển.

Từ một cây rừng, cây cao su đã chiếm một diện tích trên 7, 5 triệu ha đất vùng nhiệt đới thuộc Châu Á, Châu Phi, Mỹ la tinh và Châu Đại dương và là nguồn sinh sống của trên 25 triệu người.

Với cao su thiên nhiên ( NR ) người ta làm ra trên 30.000 sản phẩm, từ vật liệu sản xuất đến tư liệu sinh hoạt, từ những sợi chỉ mỏng manh dùng dệt bít tất cho đến các băng tải 5 - 700mét, các gối đỡ các cầu cầu hay các tấm đệm dùng xây dựng nhà nhiều tầng trong các vùng thường xảy ra động đất.

NR được dùng chủ yếu trong việc làm lốp ôtô và các phụ tùng cho các phương tiện vận tải.

2- Từ sau chiến tranh thế giới lần thứ 2, nhu cầu cao su tăng hàng năm 6 e/o, vì công nghiệp ôtô phát triển, nhưng NR chỉ đáp ứng được dưới 3 e/o.

Cao su nhân tạo ( SR ) nhảy vào thị trường với số lượng ngày càng tăng . Từ đây bắt đầu một cuộc chạy đua gay gát giữa 2 loại cao su ( NR và SR ).

Trong cuộc chạy đua này, NR đã gặp một đối thủ có nhiều ưu thế:

- Giá dầu mỏ tương đối rẻ và khoa học và kỹ thuật đã có những tiến bộ lớn.

- Cơ cấu kinh tế " siêu ô tô quyền " của SR rất mạnh : phần lớn SR hợp nhất theo chiều đứng với dầu mỏ ( trường hợp Châu Á và Nhật ) hoặc với công nghiệp lốp ô tô ( trường hợp Mỹ ).

- Việc đầu tư lớn vào khoa học và kỹ thuật đã tạo điều kiện cho SR luôn luôn được đổi mới.

Sự cạnh tranh " một mất một còn " lúc đầu giữa NR và SR , vào những năm 70 đã bước vào " giai đoạn hòa hoãn " : phải " cộng sinh " với nhau để tạo ra những chất liệu hỗn hợp ( composites ) nhằm sản xuất những mặt hàng rẻ và tốt.

Đến năm 1987, tỷ lệ NR trong tổng số cao su tiêu dùng trên thế giới là 33,2 o/o . Trong 5 năm liên tục từ 1983 - 1987 , tỷ lệ NR luôn luôn được giữ trên 32o/o. Có nhận định rằng phần NR trong tổng số cao su tiêu thụ hàng năm khoảng 30 - 32 o/o - tỷ lệ này " không thể bóp xẹp " hơn nữa" ( incompressible ).

### 3. Vì sao ?

Các nước đang gấp rút " radial hóa " lớp ô tô của mình, vì lớp radial tốt gấp đôi lớp thông thường nhưng đòi hỏi nhiều cao su NR hơn.

Các tính năng hàng đầu của NR như tính kết dính tốt nhất ( nhất là với sợi thép ), tính dễ tạo hình, tính chống nứt cao, phát nhiệt thấp, độ nảy cao ( resilience ) .. làm cho NR rất được ưa chuộng trong việc làm lốp, nhất là lốp xe tải nặng và lốp máy bay ( xin xem phụ lục số 1 so sánh tính năng của NR với một số SR thông dụng trong khu vực lốp ).

Năm 1985, 6 nước tư bản có công nghiệp cao su phát triển nhất ( Mỹ, Pháp, Anh, Tây Đức, Ý, Nhật ) tiêu thụ 1.915.000 tấn NR ( chiếm 44 o/o NR tiêu thụ toàn thế giới ) 73 o/o số cao su này đã được đưa vào khu vực lốp.

Trong các nước XHCN Đông Âu khối lượng NR chiếm khoảng 9 o/o tổng số NR tiêu thụ trên thế giới ; tỷ lệ NR trong các nước ấy chỉ chiếm 12 - 13 o/o toàn bộ NR + SR.

Liên Xô nhập hàng năm trên dưới 200.000T NR ( năm 1985 tiêu thụ 165.000T NR xấp xỉ Nam Triều Tiên và gấp đôi Đài Loan ) Tỷ lệ NR chiếm trên dưới 80/o tổng số cao su tiêu thụ.

Như vậy là quá ít so với thế giới. Nhưng Liên Xô có những lý do của mình :

- Không muốn lệ thuộc vào thị trường NR xa xôi
- Không muốn chi nhiều ngoại tệ mạnh hay vàng để nhập NR.
- Liên Xô đang tập trung sức sản xuất cao su polyisoprène ( IR ) mà Liên Xô hy vọng sẽ thay thế được NR.

Nhưng theo các khoa học về cao su thì Liên Xô sẽ phải thay đổi chiến lược về cao su của mình và sẽ tiêu thụ nhiều NR hơn vì :

- Phải " radial hóa " lớp ô tô trong nước.
- Phải sử dụng phổ biến sợi thép trong việc làm lốp.

Trong 2 lãnh vực trên, NR đang có ưu thế hơn tất cả các loại SR .

5)- Con đường phát triển của NR sẽ và sẽ không bằng phẳng . Trên 30 nước trên thế giới trồng cao su, chủ yếu là các nước đang phát triển phần lớn là những nước nghèo. Và quan hệ Bắc Nam không bao giờ công bằng và hợp lý.

Các nước trồng cao su đang ra sức :

- Nâng cao năng cao năng suất và hạ giá thành nhằm tăng sức cạnh tranh của NR đối với SR.

những dạng cao su NR mới.

- Đẩy mạnh gia công chế biến trong nước
- Đẩy mạnh công tác khoa học kỹ thuật về NR
- Đấu tranh cho <sup>một</sup> giá cao su hợp lý.

Các nước trồng cao su vẫn tin vào tương lai của cao su thiên nhiên. Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan đang mở rộng diện tích cao su của mình đến các vùng "vết hạn" ở nơi cao hơn Hạ chí tuyến. Nét nhất là việc thực hiện một chương trình tái canh lớn với những đồng vô tính cao sản và thâm canh từ đầu.

Với cây cao su, nguồn sản sinh hydrocarbure sẽ vô tận và vĩnh cửu, trong khi dầu mỏ sẽ cạn dần.

Trong phiên họp thường niên của tổ chức nghiên cứu cao su thế giới ( IRSG ) năm 1987 , hội nghị đã đưa ra dự tính dự báo về cao su đến năm 2000 như sau :

- Cho đến năm 2000, sản lượng NR tăng 2,6 o/o / năm, và SR tăng 2,3 o/o.
- Về tiêu thụ , NR tăng nhanh hơn SR một ít, NR tăng 2,6 o/o / năm ; SR 2,5 o/o.
- Đến năm 2000, tỷ lệ NR trên tổng số cao su tiêu thụ là 33 o/o.

Những lời tiên đoán của cơ quan nghiên cứu cao su thế giới, IRSG , khá phù hợp với các dự tính dự báo của Ngân hàng thế giới ( W.B ) của trường Đại học kinh tế và xã hội Amsterdam ( Hà Lan ) cố gắng làm cho những nhà trồng cao su yên tâm, mặc dù cuộc chạy đua NR/SR vẫn ngắn ngủn và ác liệt ( xem phụ lục số 2 ).

": Sản xuất và tiêu thụ cao su đến năm 2000 "

## CÂY CAO SU TRÊN ĐẤT MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

1.- Cây *H. Brasiliensis* được đưa vào Sri-Lanka Indonesia năm 1976, trên 20 năm sau, vườn cao su đầu tiên mới xuất hiện trên đất Nam bộ. Và mãi đến năm 1907, mới bắt đầu thời kỳ phát triển cao su ở Nam bộ với các đồn điền của tư bản Pháp, ôi đầu là Công ty nông nghiệp Suzannali, năm 1907, ở vùng Dầu Giây ( Tỉnh Đồng Nai), Công ty cao su Đông Dương ( Đồn điền Lộc Ninh ) năm 1910, Công ty cao su Đất Đỏ năm 1910, Công ty cao su Tây Ninh 1913 v.v...

Các đồn điền cao su lớn của tư bản Pháp ôi trước, kéo theo 1 số " số " cao su nhỏ của những tư sản và địa chủ VN hay công chức người Pháp và người Việt, dọc theo các trục giao thông thấy bộ thuận lợi của các Tỉnh Miền Đông.

Các đồn điền cao su ôi trải qua những bước thăng trầm nhưng ôi tạo được một " thời vàng son " cho bọn thực dân và tư bản ở nước Pháp thu lợi nhuận khổng lồ đồng thời thoát khỏi tình trạng lệ thuộc về NR ôi với nước Anh và Hà Lan, nước Pháp trở thành 1 cường quốc khoa học và kỹ thuật về cao su thiên nhiên...

Đến trước cách mạng tháng 8, diện tích cao su Nam bộ chiếm 106.577ha và ở Trung bộ 1837ha.

Trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp và đặc biệt trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, các vườn cao su bị phá hoại nặng nề. Đến năm 1970, diện tích cao su chỉ còn : 76.940ha ;

- 28 Đồn điền lớn ( trên 500ha ) với diện tích 63.190ha.

- 863 số cao su nhỏ với diện tích 13.750ha.

chiếm vựa cao su của miền bắc là trồng tinh bột  
lương và thuốc lương và trên 600 số cao su nhỏ 55 bị hủy  
điệt vì chất độc hóa học và bom đạn Mỹ. Diện tích hàng  
hàng chiếm 45 o/o, diện tích cao su chỉ còn 33.620ha (43o/o)  
và năm 1976 chỉ sản xuất được 29.810T.

- Sau ngày giải phóng miền Nam, diện tích cao su  
Nam bộ còn khoảng 60.000ha, chia ra :

\* 50.000ha thuộc các đồn điền lớn.

\* 10.000ha thuộc các số nhỏ.

Vườn cây từ 30 tuổi trở lên chiếm 68 o/o. Vườn cây  
kiến thiết cơ bản chỉ có 4 o/o.

Từ năm 1976 đến cuối năm 1988, ngành cao su  
trồng mới được 136.429ha và sum diện tích cao su đứng lên  
173.299ha :

\* Diện tích khai thác 30o/o

\* " " cao su kiến thiết cơ bản : 70 o/o

\* Cao su già ( trên 30tuổi) chiếm trên 46 o/o  
cao su khai thác.

Với một cơ cấu tuổi cây như vậy, từ 1976 đến nay  
số lượng cao su do Tổng Cục Cao Su trực tiếp quản lý vẫn  
xoay quanh con số 40.000T/ năm. Tuy nhiên phải tính đến  
số cao su bị mất cắp không thống kê được. Số cao su bị  
mất cắp ngày càng tăng và hình thức ăn cắp ngày càng táo  
bạo. Nguyên nhân phát sinh cao su " trời nổi" là tình  
trạng các xí nghiệp công nghiệp và thủ công nghiệp " rất  
đói " cao su và thị trường thiếu hàng tiêu dùng hàng  
cao su.

Trong quá trình xây dựng khôi phục và phát triển  
ngành cao su VN có nhiều tiến bộ về khoa học kỹ thuật và  
quản lý, đã quy tụ được một lực lượng công nhân và cán  
bộ công tác hiện có gần 150.000 người có tay nghề và gần  
bộ với vườn cao su mặc dù phải trải qua nhiều bước thăng  
trầm

đây là một loài cây cao su có một số ưu điểm sau đây và rất ra một số kết luận và nhận xét :

2.1- Cây H. Brasiliensis đã thực sự tìm được quê hương mới của mình trên đất Miền Đông Nam Bộ.

- Đất tốt, nhất là đất đỏ bazan

- Khí hậu nhiệt đới thích hợp, đi kèm với nhiều đặc điểm lý tưởng đối với việc trồng và khai thác cao su như ít bị gió bão, có một mùa khô hanh kéo dài để hạn chế đến mức cao nhất sự lan truyền của loại nấm gây bệnh thối rễ, có một chế độ mưa thuận lợi cho việc cạo mủ : ít mưa dầm nắng sớm và mưa chiều.

2.2- Người trồng cao su đã tìm được một cây trồng quý.

- Chịu hạn giỏi, phù hợp với vùng khô hạn kéo dài ; nhiều khả năng phủ xanh đồi trọc, chống xói mòn, giữ màu giữ nước.

- Có khả năng kinh doanh tổng hợp lớn :

+ Trồng xen khi vườn cây chưa giao tán

+ Cung cấp gỗ và củi như một loại rừng giàu

+ Phụ phẩm có giá trị : dầu cao su, khô dầu, một ong.

- Không mất mùa.

- Trong sản xuất lớn có thể quản lý kế hoạch hóa như công nghiệp ; trong sản xuất nhỏ là một cây " nhân " và " ăn chắc " đúng là cây trồng của tiểu - điền.

2.3- Về mặt quản lý lãnh thổ có thể rút ra được một số kinh nghiệm :

- Có khả năng sử dụng cây cao su làm cây đi đầu trong việc xây dựng vùng kinh tế mới.

- Có khả năng sử dụng cây cao su để định canh định cư và cải thiện một cách có tổ chức đời sống của đồng bào dân tộc ( và cả người Kinh ).



- Trên những vùng xa xôi hẻo lánh, các điểm cao su cũng là những điểm văn hóa xã hội và nhất là những cứ điểm quốc phòng toàn dân.

2.4- Cao su VN là một ngành sản xuất lớn theo đúng nghĩa của nó. Vườn cây, các xí nghiệp và các cơ sở vật chất và kỹ thuật khác có thể bắt kịp trình độ của các nước trồng cao su lớn; kinh nghiệm quản lý, trình độ khoa học và kỹ thuật, đội ngũ cán bộ và công nhân... là một cái vốn lớn và quý giá vẫn được khai thác.

2.5- Việc chế biến cao su thành hàng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu đã không được quan tâm. Năm 1974 ở Miền Nam chủ yếu là Saigon chỉ có 209 cơ sở gia công chế biến biến cao su với một năng lực sản xuất gần 9000/T cao su/năm. Hiện nay, tại TP.HCM và 3 Tỉnh Miền Đông, có trên 30 xí nghiệp quốc doanh và gần 500 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, gia công chế biến cao su với một năng lực sản xuất khoảng 25.000T; hàng năm được chính thức cung cấp khoảng 4 - 5000T cao su nguyên liệu.

Đã đến lúc phải phát triển công nghiệp gia công chế biến trong nước và nối liền 2 khâu nông nghiệp và công nghiệp nhằm xây dựng một ngành công nghiệp cao su ngày càng vững mạnh. Việc này phù hợp với xu thế chung hiện nay trong các nước trồng cao su và giữa các nước có ngành công nghiệp cao su phát triển với các nước thứ 3, trong mối quan hệ Bắc - Nam.

2.6- Chúng ta có thể kết luận một cách chắc chắn rằng VN nói chung, đặc biệt là Miền Đông Nam Bộ, có đủ điều kiện để xây dựng một ngành công nghiệp cao su mạnh, để sâu khai thác tiềm năng thiên nhiên và xã hội của đất nước, nhằm làm giàu cho đất nước.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUAN TÂM NHẬN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

CAO SU TRÊN ĐẤT MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

1.- VỀ NÔNG NGHIỆP.

1.1- Đến cuối năm 1988, diện tích cao su trên đất Miền Đông Nam Bộ khoảng 173.000ha, trong đó phần TW quản lý ( TCCS) là 168.153ha.

Đây là một vốn rất quý kết quả của một quá trình gây dựng lâu dài.

Phải khai thác hợp lý các vườn cây kinh doanh (30e/o diện tích cao su ởung, để giữ vững sản lượng trong một thời gian vài năm trong khi chờ các vườn cây kiến thiết cơ bản ( 70 e/o diện tích) lần lượt sẽ đi vào kinh doanh. Phải chăm sóc tốt các vườn cây nhất là cao su non. Phải đảm bảo chất lượng cao su sơ chế. Phải giải quyết khó khăn về đời sống cho công nhân....

Đây là những nhiệm vụ thật nặng nề cho những người làm cao su. Nhưng chúng ta có thể tin vào sức vươn lên của giai cấp công nhân cao su, cũng như tin vào sức sống mãnh liệt của cây cao su trên đất Miền Đông nam bộ, như lịch sử 90 năm qua đã chứng minh.

1.2- Cần sát xét lại quy hoạch cao su trong các Tỉnh Miền Đông. Có thể giữ diện tích 5% quy hoạch năm 1978 cho các nông trường quốc doanh cao su là 210.000ha. Ngày nay vốn cạnh các cơ sở quốc doanh, cần quy vùng cao su tiểu điền khoảng 90 hoặc 100.000ha.

Cộng cả hai khu vực : 300.000ha